

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 613 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Đường từ xã Phú Xuân  
đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 13 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số  
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số  
40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021  
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo  
trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí  
đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội  
dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa  
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của  
Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều  
và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 132/NQ-HĐND ngày 11/10/2021  
về chủ trương đầu tư; số 569/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 về điều chỉnh chủ  
trương đầu tư dự án Đường từ bản Bá, xã Phú Xuân đến cầu cứng xã Phú Thanh,  
huyện Quan Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số  
703/SGTVT-TĐKHKT ngày 12/02/2025 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu  
khả thi dự án Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa (kèm  
theo Báo cáo kết quả thẩm định số 635/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/02/2025 và  
hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi); của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan  
Hóa tại Văn bản số 15/TTr-BQLDA ngày 16/01/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện  
Quan Hóa với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa.

**4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty cổ phần Việt Thanh.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông khu vực, đảm bảo kết nối giao thông giữa các xã Phú Xuân, Phú Sơn, huyện Quan Hóa với các vùng lân cận; góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực.

### **6. Quy mô đầu tư xây dựng**

Đầu tư xây dựng nâng cấp 6km đường giao thông đạt tiêu chuẩn đường cấp B theo TCVN 10380:2014 với  $B_n=5m$ ;  $B_m=3,5m$ ;  $B_l=2 \times 0,75m=1,5m$ . Công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép; tần suất thủy văn tính toán  $P=4\%$  với nền đường, cống,  $P=10\%$  với đường tràn; tải trọng thiết kế H30-XB80.

### **7. Giải pháp thiết kế chủ yếu**

#### **7.1. Bình đồ, hướng tuyến:**

- Hướng tuyến được lựa chọn trên cơ sở chủ trương đầu tư dự án, đảm bảo yêu cầu ngoài phạm vi hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện Hồi Xuân được UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc tại Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 23/5/2018.

- Điểm đầu Km0 giao với đường cũ (đường BTXM  $B_m=2,5m$ ) thuộc bản Mí xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa; điểm cuối Km6+00 nối với đường vào bản Ôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa. Tổng chiều dài tuyến 6,0km.

**7.2. Cắt dọc:** Cao độ đường đò được thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn tính toán  $P=4\%$  đối với nền đường, cống,  $P=10\%$  với đường tràn; cao độ đảm bảo không thuộc phạm vi ngập của lòng hồ thủy điện Hồi Xuân; cao độ kết nối dân cư và các tuyến đường hiện trạng trong khu vực; độ dốc dọc lớn nhất  $i_{max}=11\%$ .

**7.3. Cắt ngang:** Chiều rộng nền đường  $B_n=5,0m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=3,5m$ ; lề đất  $B_l=2 \times 10,75m=1,5m$ . Trên đường thẳng độ dốc ngang mặt đường hai mái  $i_m=3\%$ , lề đất  $i_l=4\%$ ; trong phạm vi đường cong, các yếu tố kỹ thuật của mặt cắt ngang được điều chỉnh theo đường cong. Những đoạn tuyến có gia cố rãnh dọc, mặt đường được mở rộng đến mép rãnh.

#### **7.4. Nền đường:**

- Nền đào: Độ dốc mái taluy từ 1/0,5-1/1, tùy thuộc cấp đất, đá và địa hình.

- Nền đắp: Đắp đất đạt độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,95$ ; mái taluy đắp 1/1,5. Trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp.

7.5. Kết cấu áo đường: Cường độ mặt đường có  $E_{yc} \geq 100 \text{Mpa}$ , gồm:

- Lớp mặt: Láng nhựa 02 lớp tiêu chuẩn  $3,0 \text{kg/m}^2$ .

- Lớp móng: Móng lớp trên bằng đá  $4 \times 6$  chèn đá dăm dày 12cm, lớp móng dưới bằng đá dăm nước dày 24cm.

7.6. Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc; rãnh đất tiết diện hình thang, kích thước lòng  $(40+120) \times 40 \text{cm}$ . Các đoạn có độ dốc dọc lớn, địa chất dễ bị xói lở, rãnh được gia cố bằng BTXM tiết diện chữ nhật, kích thước  $(50 \times 60) \text{cm}$ ; các vị trí qua đường ngang, nhà dân có tấm nắp bằng BTCT.

7.7. Công trình thoát nước:

- Cống thoát nước ngang: Tổng số có 31 cống bản các loại; trong đó, nổi dài 06 cống bản cũ  $L_o = 0,75 \text{m}$  và xây dựng mới 25 cống, gồm: 23 cống có  $L_o = 1,5 \text{m}$ ; 02 cống  $L_o = 2,4 \text{m}$ . Kết cấu bằng bê tông và BTCT, chiều dài cống phù hợp với nền đường; kết cấu cống đặt trên nền đất thiên nhiên đảm bảo điều kiện chịu lực.

- Đường tràn liên hợp: Đoạn tuyến từ  $\text{Km}5+816$ - $\text{Km}5+883$  bố trí đường tràn liên hợp cống bản  $L_o = 2 \times 5,4 \text{m}$  với tần suất  $P = 10\%$ . Chiều rộng mặt tràn  $B_n = B_m \geq 6,0 \text{m}$ ; độ dốc taluy mái tràn phía thượng lưu 1/2, phía hạ lưu 1/3. Mặt tràn bằng BTXM, móng đá dăm  $4 \times 6$ , chân khay và mái tràn bằng BTXM. Bố trí cột thủy trí, ụ tiêu đảm bảo an toàn khai thác. Cống trong tràn cấu tạo tương tự cống trên tuyến.

7.8. Nút giao: Ngã ba tại  $\text{Km}5+911$ -giao với đường hiện trạng đi bản Ôn được thiết kế giao bằng, bán kính nhánh rẽ hướng từ bản Bá đi bản Ôn đảm bảo  $R = 15 \text{m}$ , hướng đi bản Páng đảm bảo  $R = 30 \text{m}$ ; kết cấu móng mặt đường nút giao như tuyến chính.

7.9. Đường ngang dân sinh: Vuốt nổi vào tuyến của dự án đảm bảo tầm nhìn và độ dốc dọc  $\leq 6\%$ . Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa và BTXM.

9.10. Điểm tránh xe: Mở rộng nền, mặt đường để bố trí các vị trí tránh xe đảm bảo  $B_n = 7,5 \text{m}$ ,  $B_m = 6 \text{m}$ , chiều dài  $L = (15-30) \text{m}$ , kết cấu mặt đường như kết cấu chung phần tuyến, trung bình từ  $(300-500) \text{m}$ /vị trí tránh xe.

7.11. Hệ thống an toàn giao thông: Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

*(Chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).*

## **8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng**

- Địa điểm xây dựng: Các xã Phú Xuân, Phú Sơn, huyện Quan Hóa.
- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 6,0ha (trong đó phạm vi đường cũ đang khai thác khoảng 0,5ha).

**9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

## **10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn**

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.
- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định số 635/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/02/2025 của Sở Giao thông vận tải.

## **11. Tổng mức đầu tư: 47.000.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ đồng).**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	4.868.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	32.659.025.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	588.456.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.660.913.000 đồng.
- Chi phí khác:	677.222.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	4.546.384.000 đồng.

*(chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư kèm theo).*

**12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2024 - 2026.

## **14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư**

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

- Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình phê duyệt.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 635/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/02/2025.

- UBND huyện Quan Hóa tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời với chức năng nhiệm vụ là đơn vị chủ quản của Chủ đầu tư nắm bắt, chỉ đạo, quản lý việc thực hiện dự án đảm bảo theo các quy định của pháp luật và của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Đường từ xã Phú Xuân đến xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường GPMB</b>	<i>Khái toán chi tiết</i>	<b>4.868.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>32.659.025.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	2,475% x0,8x 29.690.022.727	<b>588.456.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>3.660.913.000</b>
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	783.566.000
2	Khảo sát bước thiết kế BVTC	Tạm tính	720.000.000
3	Lập thiết kế BVTC và dự toán	1,20% x 29.690.022.727	385.379.000
4	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	Tạm tính	230.000.000
5	Lập nhiệm vụ khảo sát lập BC NCKT	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	15.729.000
6	Lập nhiệm vụ khảo sát bước TK BVTC	3,0% x 720.000.000	21.600.000
7	Giám sát khảo sát lập BC NCKT	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	21.349.000
8	Giám sát khảo sát bước BVTC	4,072% x 720.000.000	29.318.000
9	Thẩm tra báo cáo NCKT	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	49.538.000
10	Thẩm tra thiết kế BVTC	0,136% x1,08x 29.690.022.727	43.614.000
11	Thẩm tra dự toán	0,130% x1,08x 29.690.022.727	41.804.000
12	Giám sát thi công xây dựng	2,589% x1,1x 29.690.022.727	845.505.000
13	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	8.748.000
14	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn bước BVTC	0,696% x1,08x 2.019.337.037	15.206.000
15	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công (gồm cả bảo hiểm CT)	0,208% x1,08x 29.771.670.727	67.197.000
16	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT tư vấn lập BCNCKT	<i>Mức tối thiểu theo ND 24/2024/ND-CP</i>	5.000.000
17	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT các gói thầu tư vấn bước BVTC		5.000.000
18	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công (gồm cả bảo hiểm CT)	0,200% x 29.764.248.182	59.528.000
19	Khảo sát, lập phương án RPBM	2,500% x 225.000.000	5.625.000
20	Giám sát công tác RPBM	3,203% x 225.000.000	7.207.000
21	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 541/QĐ-BQLDA ngày 24/10/2024 của Ban QLDA	300.000.000

<b>TT</b>	<b>Hạng mục chi phí</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Giá trị (đồng)</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>677.222.000</b>
1	Chi phí kiểm toán	0,465% x1,1x 47.000.000.000	240.211.000
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,293% x0,5x 47.000.000.000	68.826.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	0,25% x1,1x 29.690.022.727	81.648.000
4	Rà phá bom mìn	Tạm tính 7,5ha x 30tr/ha	225.000.000
5	Thẩm định Báo cáo NCKT	0,015% x 47.000.000.000	7.050.000
6	Thẩm định thiết kế BVTC	0,093% x 29.690.022.727	27.751.000
7	Thẩm định dự toán xây dựng	0,090% x 29.690.022.727	26.736.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>4.546.384.000</b>
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	8,0% x 37.585.616.000	3.369.954.000
2	Dự phòng yếu tố trượt giá	3,13% x 37.585.616.000	1.176.430.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>I+II+III+IV+V+VI</b>	<b>47.000.000.000</b>